

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: CÔNG TY ĐIỆN LỰC PHÚ THỌ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC</p> <p>Địa chỉ: Số nhà 1520, đường Hùng Vương, Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ</p> <p>Mã số thuế: 0100100417-004</p> <p>Số tài khoản: 0801 000 336868 tại: Ngân hàng Vietcombank – CN Phú Thọ Số tài khoản: 112 0000 91091 tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ</p> <p>Điện thoại: 0963587666</p> <p>Số Fax:</p> <p>Email: tulehieu1974@gmail.com</p> <p>Đại diện ủy quyền (nếu có): Ông Từ Lê Hiếu - Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo Quyết định số 169/QĐ-PCPT ngày 05/07/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Phú Thọ về việc ban hành Quy định phân công nhiệm vụ, trách nhiệm trong Ban giám đốc Công ty Điện lực Phú Thọ).</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: _____</p> <p>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</p>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Công trình triển khai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu khác:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Hồ sơ BCKTKT,+ Hồ sơ mời thầu,+ Hồ sơ dự thầu,+ Và các hồ sơ tài liệu liên quan trong quá trình thực hiện dự án.
E-ĐKC 4.1	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng:</p> <p>Các bên chỉ được sửa dụng tài liệu và thông tin liên quan đến Hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <ol style="list-style-type: none">1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Đại diện Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu;2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Đại diện Chủ đầu tư không vi phạm bản

	<p>quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc Bên thứ ba nào;</p> <p>3. Đại diện Chủ đầu tư sẽ không, chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay Bên thứ ba nào khác.</p>
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Hai bên thống nhất trong quá trình thương thảo hợp đồng và thực hiện hợp đồng (nếu có)
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu
E-ĐKC 10	<p>10.1. Tạm ứng: Không áp dụng</p> <p>10.2. Thanh toán</p> <p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản 100% giá trị hợp đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: 03 lần thanh toán. - Thời hạn thanh toán: Trong vòng 30 ngày + Kể từ ngày Đại diện Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải hoàn thành các thủ tục và thanh toán cho nhà thầu. + Hồ sơ thanh toán: Gồm giấy đề nghị thanh toán; Bảng xác định khối lượng giá trị hoàn thành công việc theo hợp đồng; Hóa đơn GTGT; Biên bản nghiệm thu công việc; Các hồ sơ liên quan khác (nếu có) - Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau: + Đại diện Chủ đầu tư thầu sẽ trình Tổng công ty Điện lực Miền Bắc và Ngân hàng (nhà tài trợ cho vay vốn) xem xét phê duyệt cấp vốn, giải ngân khoản vay theo hồ sơ thanh toán. Ngay sau khi được phê duyệt cấp vốn, giải ngân khoản vay bên giao thầu sẽ thanh toán cho bên nhận thầu <p>Thanh toán lần 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi chủ đầu tư chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập và được nghiệm thu đánh giá đạt chất lượng, tiến độ, tuân thủ các điều kiện của Hợp đồng thì Đại diện Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 80 % giá trị khối lượng hoàn thành đồng thời thu hồi 100% số tiền tạm ứng (nếu có tạm ứng) trong vòng 30 kể từ ngày Đại diện Chủ đầu tư nhận được hóa đơn do Nhà thầu phát hành cho khối lượng hoàn thành và có đầy đủ các tài liệu liên quan hợp lệ theo quy định bao gồm: + Công văn đề nghị thanh toán;

- + Phụ lục xác định khối lượng giá trị hoàn thành công việc của hợp đồng theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP: 08 bản gốc
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có đóng dấu xác nhận của Đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu: 03 bản gốc;
- + Các sản phẩm tư vấn và chứng từ kèm theo.
- + Hóa đơn GTGT.

Thanh toán lần 2:

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Đại diện Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Đại diện Chủ đầu tư 08 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn;
- + Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có);
- + Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Đại diện Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu;
- + Các tài liệu liên quan khác theo quy định của Nhà nước, EVN, EVNNPC.

Thanh toán lần 3 (Quyết toán Hợp đồng)

- Sau khi dự án được phê duyệt quyết toán, trong vòng 06 tháng, hai bên sẽ tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng và Đại diện Chủ đầu tư sẽ thanh toán giá trị còn lại cho Nhà thầu trên cơ sở giá trị quyết toán trừ đi giá trị đã thanh toán;

- Các giá trị Hợp đồng được thanh toán (nêu trên) phải dựa trên cơ sở kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí cả năm cho Hợp đồng.

- Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, chứng từ để quyết toán Hợp đồng.

- Nếu Đại diện Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán Hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Đại diện Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai Bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Đại diện Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

* Thanh lý Hợp đồng

Thanh lý Hợp đồng sẽ được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng và công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoặc chấm dứt theo Mục E-ĐKC 19.1 [Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu]

	và Mục E-ĐKC 20 [Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư] của Hợp đồng này.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực tới khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 15 ngày
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Không có
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 10 ngày
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng
E-ĐKC 17	<p><i>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại</i></p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức : 0,2% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: 36.463.000 VND. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>Quy định Quy định chi tiết: Phạt hợp đồng đối với hợp đồng Tư vấn</p> <p>A) Nguyên tắc:</p> <p>Nội dung vi phạm về chất lượng hồ sơ tư vấn giám sát được quy định như sau:</p>

- Nghiệm thu không đúng thiết kế.
- Giám sát thi công không đúng thiết kế bản vẽ thi công, biện pháp thi công được duyệt dẫn đến chất lượng không đảm bảo, gây nên sự cố công trình, phải phá đi làm lại, làm chậm tiến độ.
- Kiểm tra, nghiệm thu khối lượng công việc, khối lượng thi công xây dựng và hồ sơ hoàn công không đúng theo bản vẽ thi công được duyệt và khối lượng thi công thực tế tại công trường gây nên sai phạm về khối lượng, ảnh hưởng đến công tác nghiệm thu công việc/hạng mục/dự án phục vụ thanh quyết toán.
- Phạt khi để xảy ra sai sót về an toàn, vệ sinh môi trường, chậm tiến độ mà không phát hiện báo cáo và chủ đầu tư.
- Phạt khi nghiệm thu không đúng khối lượng, chất lượng.
- Phạt thực hiện không đúng Quy trình triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên phần mềm Quản lý Đầu tư xây dựng – Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam số 631/QĐ-EVN ngày 20 tháng 04 năm 2022 của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam (đính kèm Quyết định).
- Phạt thực hiện không đúng Hướng dẫn chụp ảnh thi công trên chương trình IMIS 2.0 và quay phi các giai đoạn thi công chính yếu công trình ĐTXD theo Quyết định 3568/QĐ-EVN/HCMT ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm Quyết định).
- Các nội dung sai sót khác gồm: vi phạm hợp đồng giám sát đã ký; chậm trễ trong nghiệm thu VTTB, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu đóng điện, nghiệm thu hạng mục/công trình hoàn thành; chậm trễ trong kiểm tra, xác nhận khối lượng; chậm báo cáo từ 3 ngày trở lên hoặc không báo cáo tình hình thi công hàng tuần cho chủ đầu tư; không ghi chép nội dung giám sát trong sổ nhật ký thi công; không cập nhật chương trình IMIS kịp thời; không có mặt trên công trường; không chụp hình, quay phim hoặc chụp hình, quay phim không đầy đủ các vị trí lắp khuất đúng theo quy định;

B) Mức Phạt:

- Giá trị phạt = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; lần 1 phạt 1 %, lần 2 và 3 phạt 3 %, lần 4 phạt 5 %; tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

- Trường hợp thiệt hại nếu do lỗi của nhà thầu gây ra, thì Nhà thầu phải chịu đền bù 100% giá trị thực tế thực hiện về các phát sinh này cho CĐT và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với những sai sót này.

- Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo mục E-ĐKC 19.1, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

- Trong trường hợp các lỗi vi phạm của nhà thầu ở Mức khấu trừ của điều kiện này hoặc lỗi khác của nhà thầu là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại về người, tài sản, tiền của Chủ đầu tư hoặc một bên thứ ba, ngoài việc bị phạt nêu trên, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về pháp lý về cam kết của mình và phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại do lỗi vi phạm của nhà thầu gây ra cho Chủ đầu tư hoặc bên thứ ba.

* Lưu ý:

+ Mức vi phạm tính theo giá trị hợp đồng bị vi phạm;

+ Mức khấu trừ: Bằng mức phạt do vi phạm hợp đồng;

+ Mức khấu trừ tối đa: 12% tính theo giá trị hợp đồng.

	<p>Mức bồi thường = chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng+chi phí thiệt do chậm đưa công trình vào sử dụng.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả hư hỏng, sự cố, do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng... do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai qui chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,...) (trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi phí này) - Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.
<p>E-ĐKC 19.1</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Đại diện Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng khi Nhà thầu không thực hiện các nghĩa vụ của mình như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu có những vi phạm các cam kết về nhân sự, tiến độ và chất lượng công việc mà không có biện pháp giải quyết. - Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B. Nếu trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng này, Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa hoặc cố tình không sửa chữa sai sót đó. - Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho Bên B khi phát hiện Bên B lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. - Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Bên B vẫn không thể thực hiện được dịch vụ. - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSĐT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; - Nhà thầu không phối hợp Chủ đầu tư để thực hiện công việc theo kế hoạch đã thống nhất.

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu; - Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành công việc và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt; - Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Nhà thầu có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng khi Chủ đầu tư có những lỗi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không cung cấp hồ sơ tài liệu cần thiết của dự án cho nhà thầu để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng; b) Không bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo Hợp đồng. c) Không giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. d) Không thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng. e) Không tạo điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa. f) Không cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu. g) Không thực hiện các nghĩa vụ của Chủ đầu tư theo các điều khoản của hợp đồng đã ký.
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp: Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. - Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp. + Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải thì sẽ được giải quyết thông qua Toà án Kinh tế Việt Nam; + Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p>

	<p>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: CÔNG TY ĐIỆN LỰC PHÚ THỌ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC</p> <p>Điện thoại: 0963587666 Số Fax: Email: tulehieu1974@gmail.com</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>
--	--